

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách địa phương Quý III năm 2023, tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 11 về dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2023, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4482/TTr-STC ngày 04/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý III năm 2023, tỉnh Bình Phước (theo các biểu và phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, (Qué-06.12).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

THUYẾT MINH

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý III năm 2023,
tỉnh Bình Phước**

(Kèm theo Quyết định số 20M/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh)

A. TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC: 7.794.183 triệu đồng, đạt 52% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 31% với cùng kỳ năm trước.

I. Thu nội địa: 6.808.672 triệu đồng, đạt 50% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 36% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước: 664.899 triệu đồng, đạt 62% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 25% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 298.639 triệu đồng, đạt 35% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 42% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu từ công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 1.427.274 triệu đồng, đạt 77% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 15% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu thuế thu nhập cá nhân: 693.758 triệu đồng, đạt 63% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 45% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu thuế bảo vệ môi trường: 94.532 triệu đồng, đạt 45% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 27% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu lệ phí trước bạ: 265.261 triệu đồng, đạt 34% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 60% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu phí, lệ phí: 108.068 triệu đồng, đạt 75% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua, giảm 04% so với cùng kỳ năm trước và tăng 109% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 15.877 triệu đồng, đạt 159% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua.
- Thu tiền sử dụng đất: 884.888 triệu đồng, đạt 23% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 75% so với cùng kỳ năm trước.
- Thu tiền thuê đất: 1.024.263 triệu đồng, đạt 44% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 16% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 74.727 triệu đồng, đạt 88% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 04% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu xổ số kiến thiết: 980.635 triệu đồng, đạt 89% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 41% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu khác ngân sách: 261.109 triệu đồng, đạt 86% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 11% so với cùng kỳ năm trước.

II. Thu từ Hải quan: 981.148 triệu đồng, đạt 80% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 22% so với cùng kỳ năm trước.

B. TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG: 9.986.126 triệu đồng, đạt 54% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 01% so với cùng kỳ năm trước.

I. Chi đầu tư phát triển (bao gồm chi quyết toán các công trình năm trước chuyển sang): 5.275.628 triệu đồng, đạt 104% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 2% so với cùng kỳ năm trước.

II. Chi thường xuyên: 4.709.308 triệu đồng, đạt 46% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 1% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó:

1. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo, dạy nghề: 2.050.195 triệu đồng, đạt 64% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 08% so với cùng kỳ năm trước.

2. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 21.586 triệu đồng, đạt 86% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 16% so với cùng kỳ năm trước.

3. Chi sự nghiệp y tế: 432.783 triệu đồng, đạt 65% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 08% so với cùng kỳ năm trước.

4. Chi sự nghiệp văn hóa: 53.435 triệu đồng, đạt 140% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 17% so với cùng kỳ năm trước.

5. Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 51.415 triệu đồng, đạt 45% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 12% so với cùng kỳ năm trước.

6. Chi sự nghiệp thể dục – thể thao: 46.830 triệu đồng, đạt 61% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 06% so với cùng kỳ năm trước.

7. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 33.997 triệu đồng, đạt 36% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 24% so với cùng kỳ năm trước.

8. Chi sự nghiệp kinh tế: 414.683 triệu đồng, đạt 11% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 21% so với cùng kỳ năm trước.

9. Chi quản lý hành chính: 1.080.071 triệu đồng, đạt 86% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và tăng 03% so với cùng kỳ năm trước.

10. Chi đảm bảo xã hội: 188.004 triệu đồng, đạt 38% dự toán điều chỉnh HĐND tỉnh thông qua và giảm 48% so với cùng kỳ năm trước./.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2023	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2022	THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	14.888.000	11.378.299	7.794.183	52%	69%
I	Thu cân đối NSNN	14.888.000	11.378.299	7.794.183	52%	69%
1	Thu nội địa	13.668.000	10.570.412	6.808.672	50%	64%
2	Thu từ dầu thô	-	-	-		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.220.000	803.832	981.148	80%	122%
4	Thu viện trợ	-	-	-		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	-	-		
B	TỔNG CHI NSDP	18.345.000	10.123.602	9.986.126	54%	99%
I	Chi cân đối NSDP Trong đó:	18.345.000	10.123.602	9.986.126	54%	99%
1	Chi đầu tư phát triển	5.066.774	5.373.446	5.275.628	104%	98%
2	Chi thường xuyên	10.168.012	4.750.156	4.709.308	46%	99%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		-	1.190		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	-	-		
5	Dự phòng ngân sách	387.159	-	-		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP		-	-		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP		-	-		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC		-	-		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2023	THỰC HIỆN QUÝ III/2022	THỰC HIỆN QUÝ III/2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	14.888.000	11.378.299	7.794.183	52%	69%
I	Thu nội địa	13.668.000	10.570.412	6.808.672	50%	64%
1	Thu từ khu vực DNNN	1.070.000	884.911	664.899	62%	75%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	860.000	517.193	298.639	35%	58%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.860.000	1.240.963	1.427.274	77%	115%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.100.000	1.253.232	693.758	63%	55%
5	Thuế bảo vệ môi trường	210.000	130.008	94.532	45%	73%
6	Lệ phí trước bạ	770.000	663.603	265.261	34%	40%
7	Thu phí, lệ phí	145.000	112.638	108.068	75%	96%
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.149.000	4.751.103	1.925.028	31%	41%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000	7.602	15.877	159%	209%
-	Thu tiền sử dụng đất	3.807.000	3.529.119	884.888	23%	25%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.332.000	1.214.382	1.024.263	44%	84%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-			
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	85.000	72.059	74.727	88%	104%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước		11.642	13.941		120%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.100.000	696.593	980.635	89%	141%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	14.000	215	801	6%	373%
13	Thu khác ngân sách	305.000	236.252	261.109	86%	111%
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.220.000	803.832	981.148	80%	122%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu		634.875	857.858		135%
2	Thuế xuất khẩu		49.447	15.528		31%
3	Thuế nhập khẩu		110.019	102.729		93%

4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		996	825		83%
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		582	362		62%
6	Thu khác		7.913	3.846		49%
IV	Thu viện trợ					
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	14.664.000	10.360.136	6.581.514	45%	64%
1	Từ các khoản thu phân chia	4.862.280	3.860.533	3.535.997	73%	92%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	9.801.720	6.499.603	3.045.517	31%	47%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2011 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	18.345.000	10.123.602	9.986.126	54%	99%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	18.345.000	10.123.602	9.986.126	54%	99%
I	Chi đầu tư phát triển	5.066.774	5.373.446	5.275.628	104%	98%
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.066.774	5.373.446	5.275.628	104%	98%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-				
3	Chi đầu tư phát triển khác	-				
II	Chi thường xuyên	10.168.012	4.750.156	4.709.308	46%	99%
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.227.153	1.896.787	2.050.195	64%	108%
2	Chi khoa học và công nghệ	25.182	18.689	21.586	86%	116%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	665.288	401.371	432.783	65%	108%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	38.241	45.540	53.435	140%	117%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	114.390	58.268	51.415	45%	88%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	77.018	49.596	46.830	61%	94%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	93.722	44.973	33.997	36%	76%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	3.645.840	522.498	414.683	11%	79%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.260.868	1.048.131	1.080.071	86%	103%
10	Chi bảo đảm xã hội	492.068	361.536	188.004	38%	52%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-		1.190		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000				
V	Dự phòng ngân sách	387.159				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	-				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	-				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	-				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	-				

BÌNH PHƯỚC